

Số: TVHN-311 /DBQG

Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2022

## BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

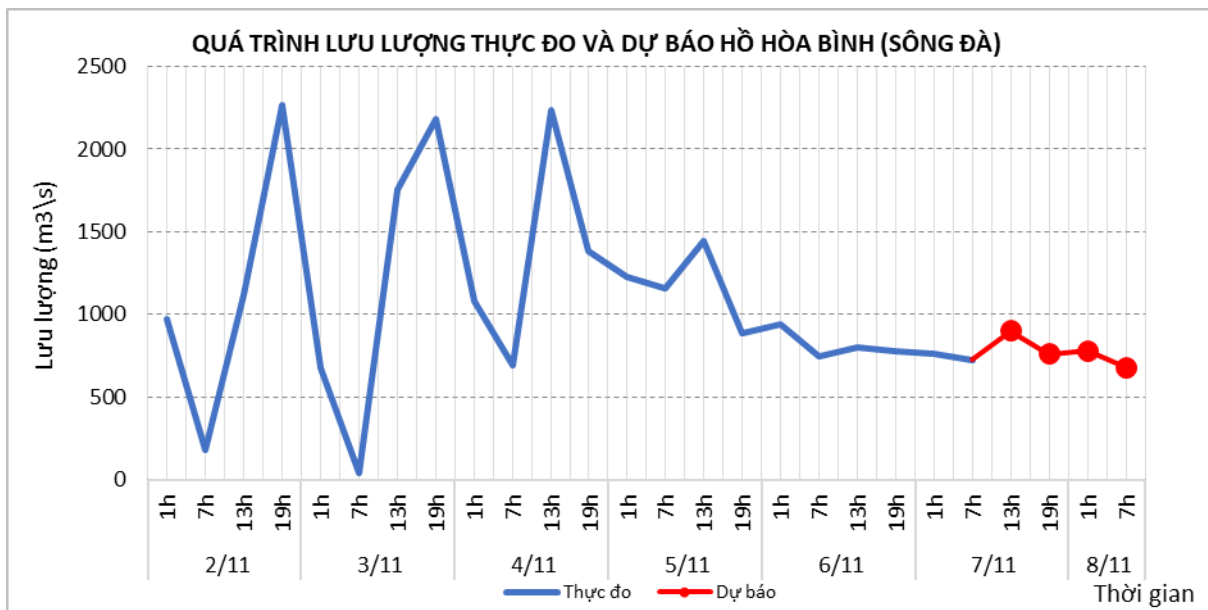
#### 1. Khu vực Tây Bắc:

a. *Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình đang dao động do ảnh hưởng điều tiết của thủy điện Sơn La.

b. *Dự báo, cảnh báo*

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động do ảnh hưởng điều tiết của thủy điện Sơn La.



#### 2. Khu vực Việt Bắc:

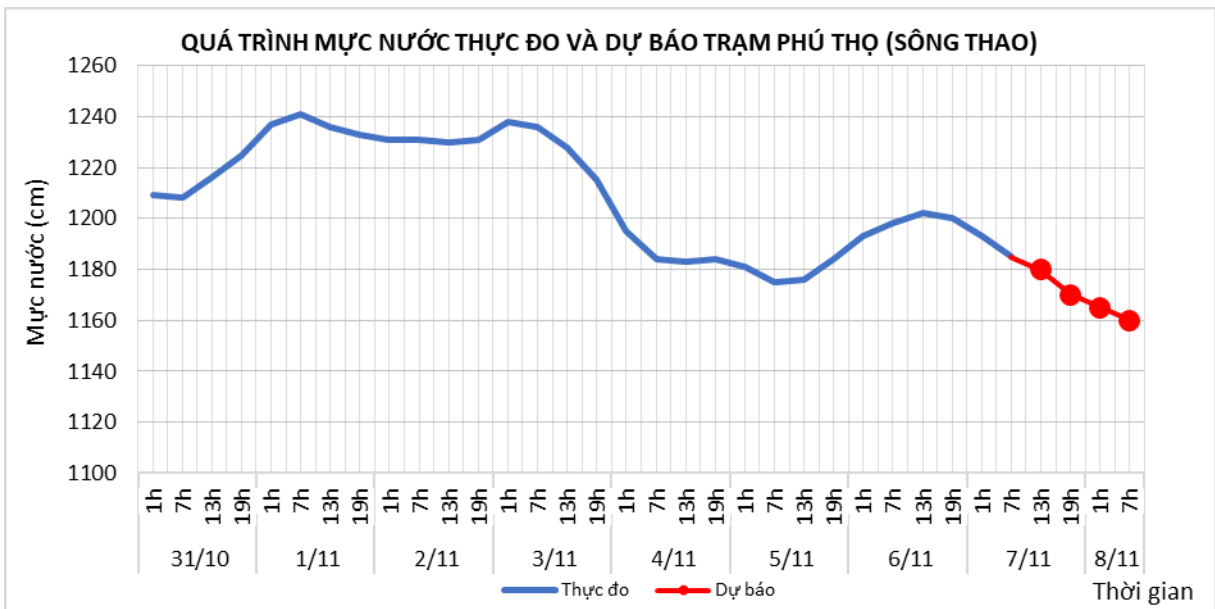
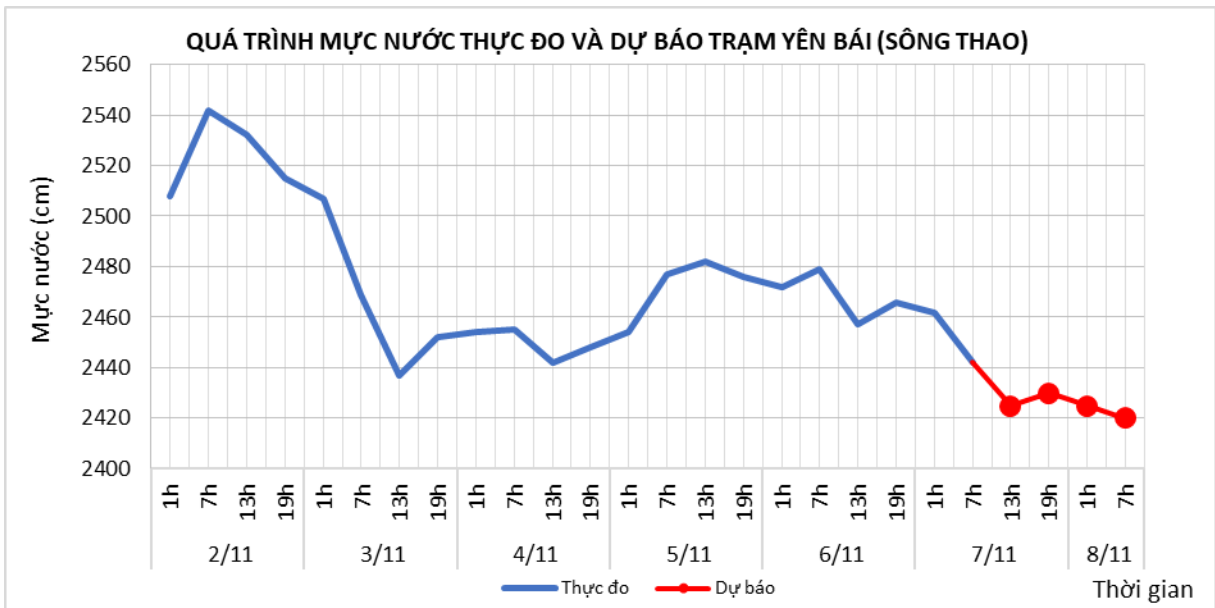
##### 2.1. Lưu vực sông Thao

a. *Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mực nước trên sông Thao tại Yên Bái, Phú Thọ đang biến đổi chậm.

b. *Dự báo, cảnh báo*

Mực nước trên sông Thao tại Yên Bái, Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



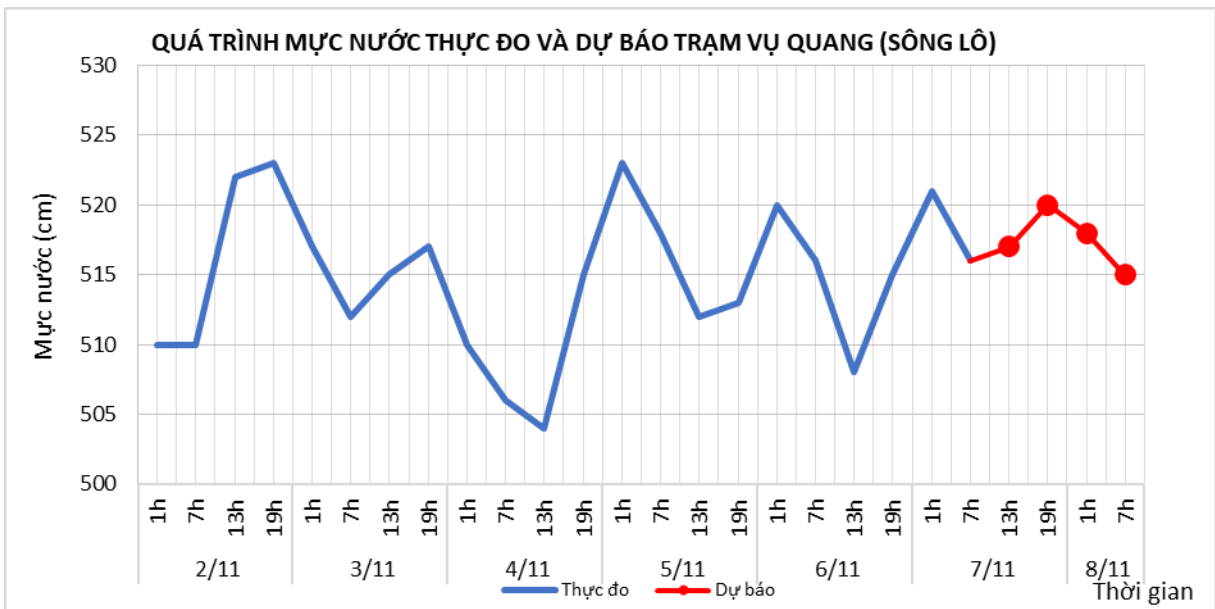
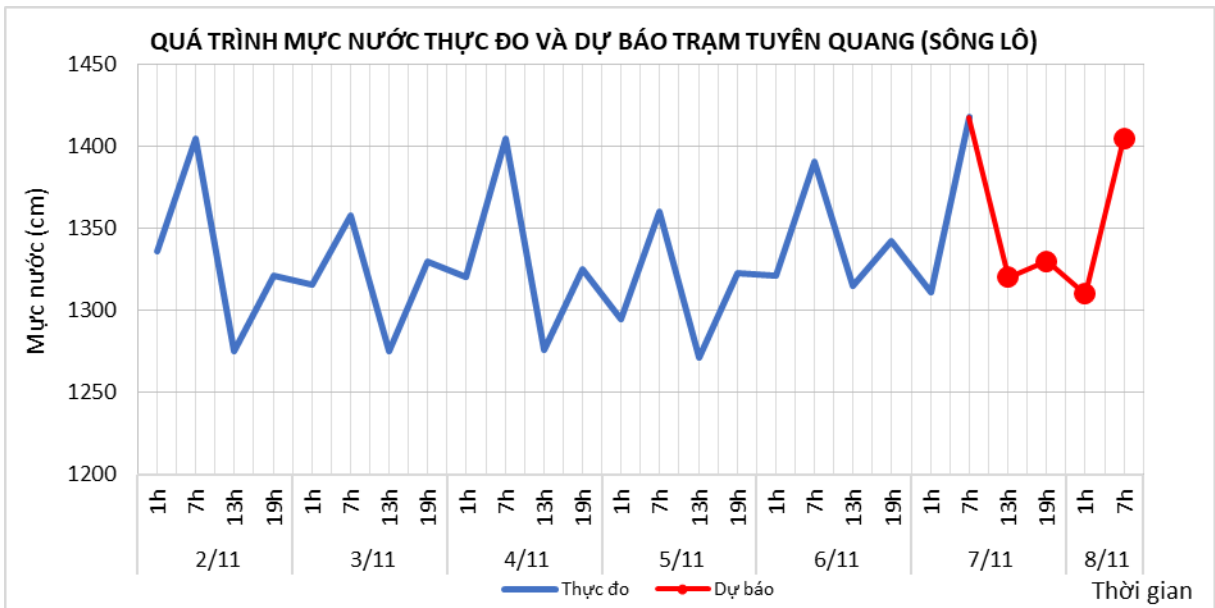
## 2.2. Lưu vực sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Lô tại Tuyên Quang, Vụ Quang đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của hồ chứa phía thượng lưu.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Lô tại Tuyên Quang, Vụ Quang tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của hồ chứa phía thượng lưu.



### 3. Khu vực Đông Bắc

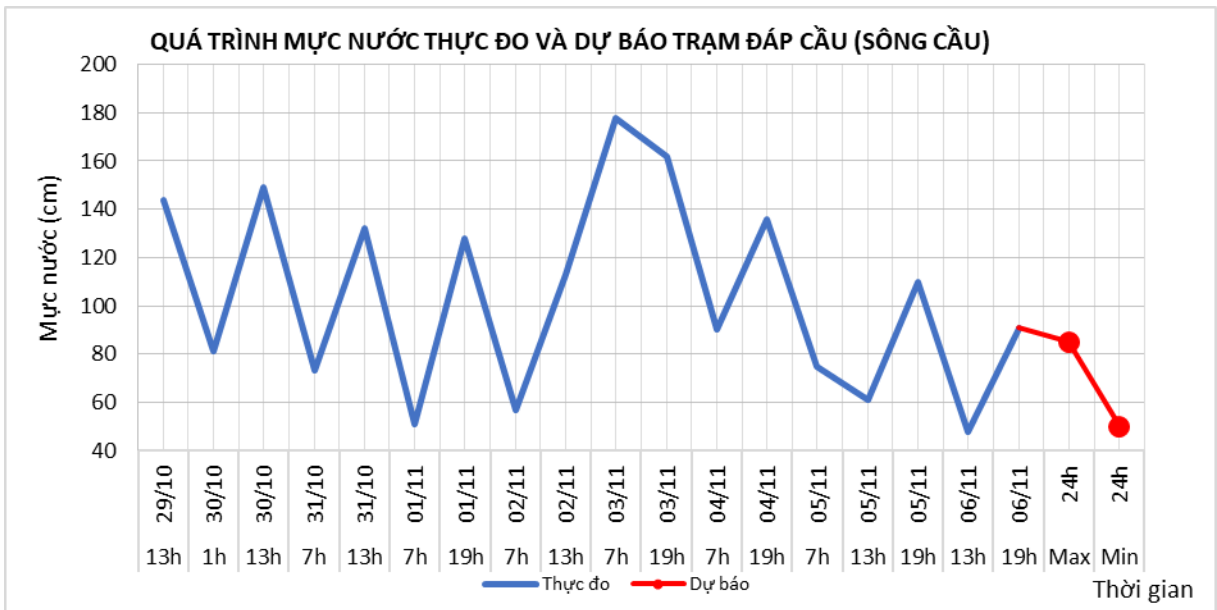
#### 3.1. Lưu vực sông Cầu

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Cầu đang biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cầu tiếp tục biến đổi chậm.



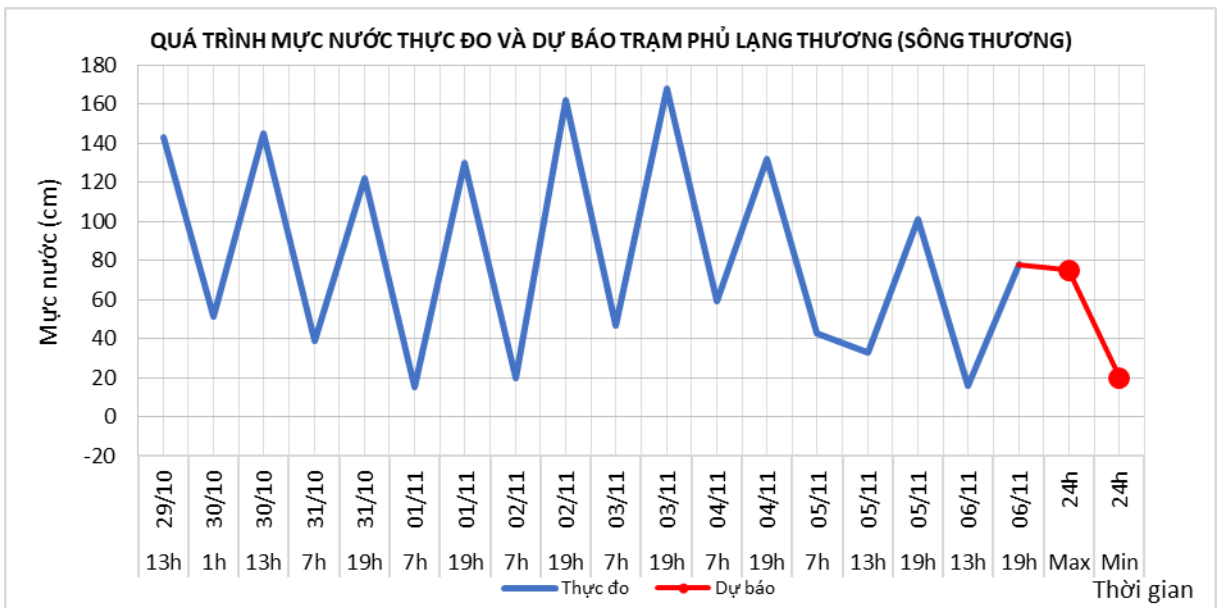
### 3.2. Lưu vực sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Thương tại Phủ Lạng Thương đang biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Thương tại Phủ Lạng Thương tiếp tục biến đổi chậm.



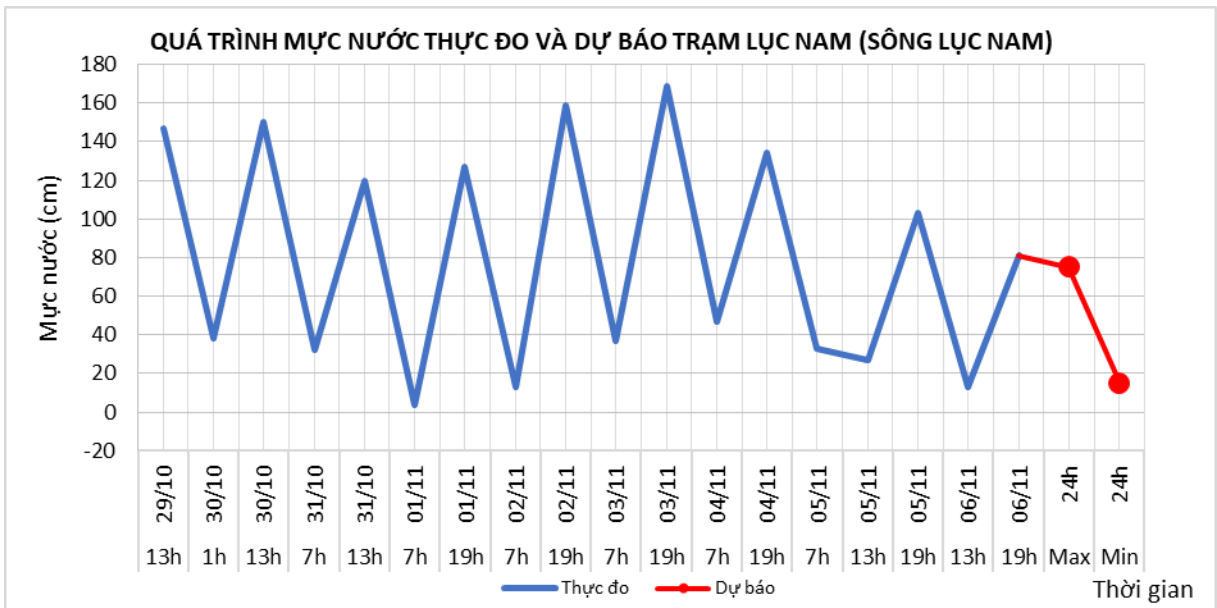
### 3.3. Lưu vực sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Lục Nam đang biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước Sông Lục Nam tiếp tục biến đổi chậm.



#### 4. Khu vực Đồng bằng Bắc Bộ

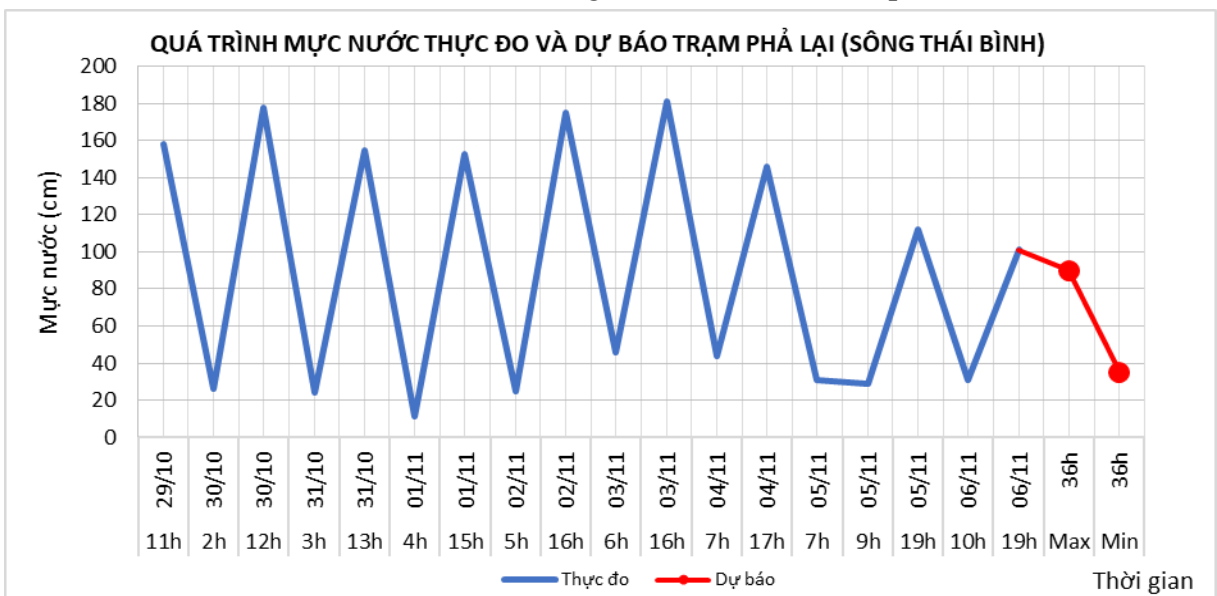
##### 4.1. Lưu vực sông Thái Bình

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại đang biến đổi chậm. Trong 36 giờ qua mức nước cao nhất tại Phả Lại là 1,01m, mức nước thấp nhất là 0,31m.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục biến đổi chậm. Trong 36h tới mức nước tại Phả Lại cao nhất có khả năng ở mức 0,90m và thấp nhất ở mức 0,35m.



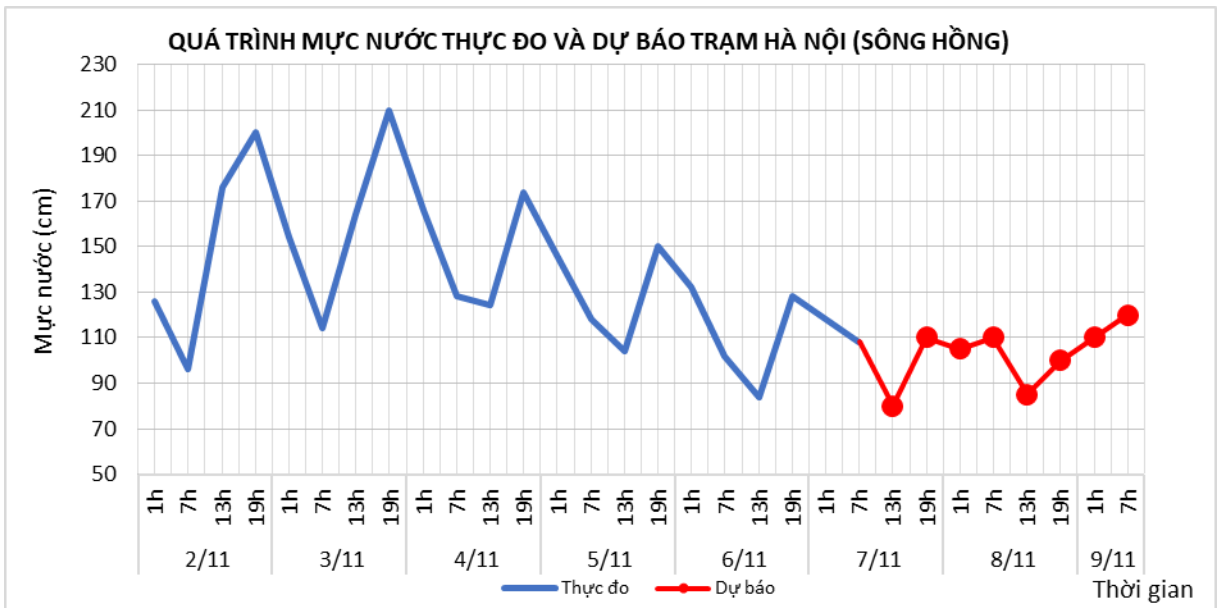
##### 4.2. Lưu vực sông Hồng

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Lúc 7h/07/11, mức nước tại trạm Hà Nội là 1,08m.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm. Đến 7h/09/11 mức nước tại trạm Hà Nội có khả năng ở mức 1,20m.



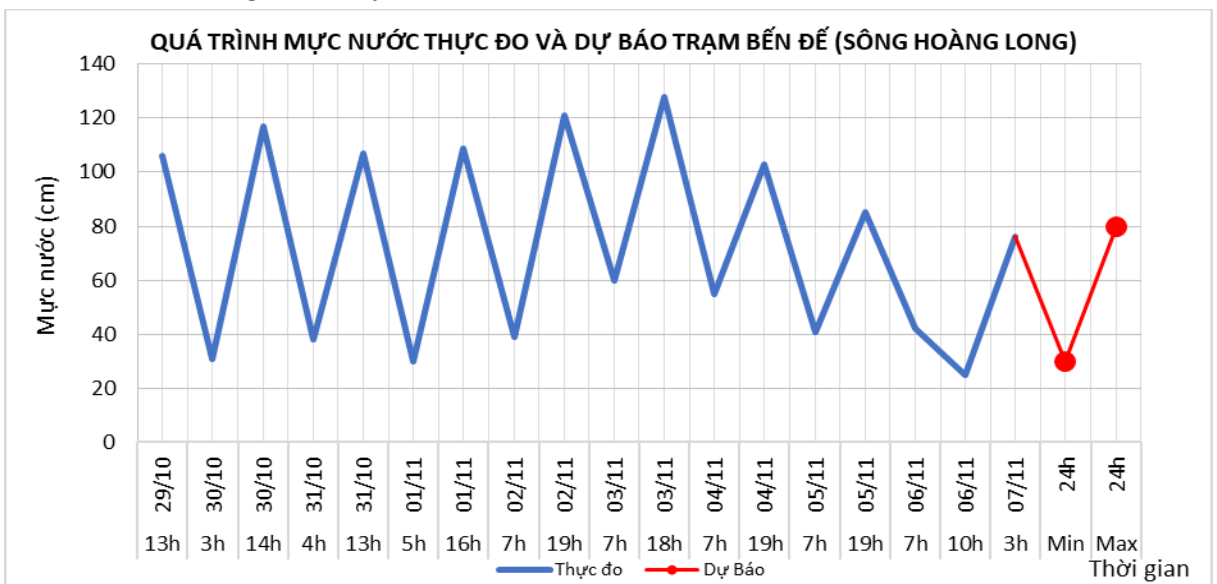
### 4.3. Lưu vực sông Hoàng Long

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bôi, sông Hoàng Long đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hoàng Long tại trạm thủy văn Bến Đé sẽ tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



## 5. Khu vực Bắc Trung Bộ

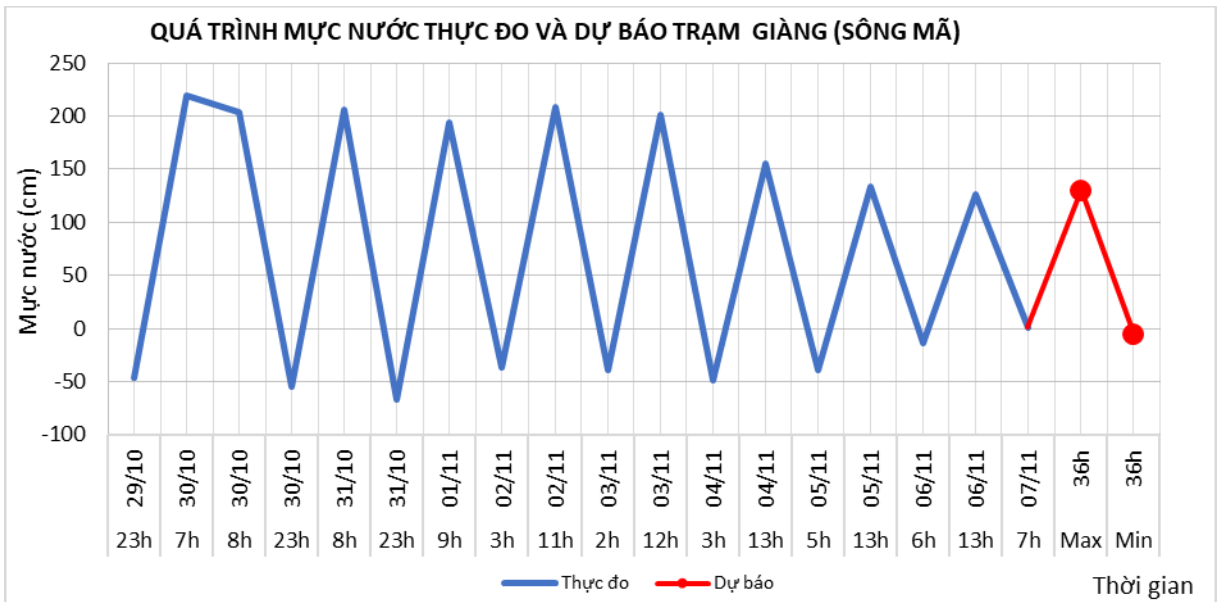
### 5.1. Lưu vực sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu sông Mã tại Giàng biến đổi theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu sông Mã tại Giàng biến đổi theo triều.



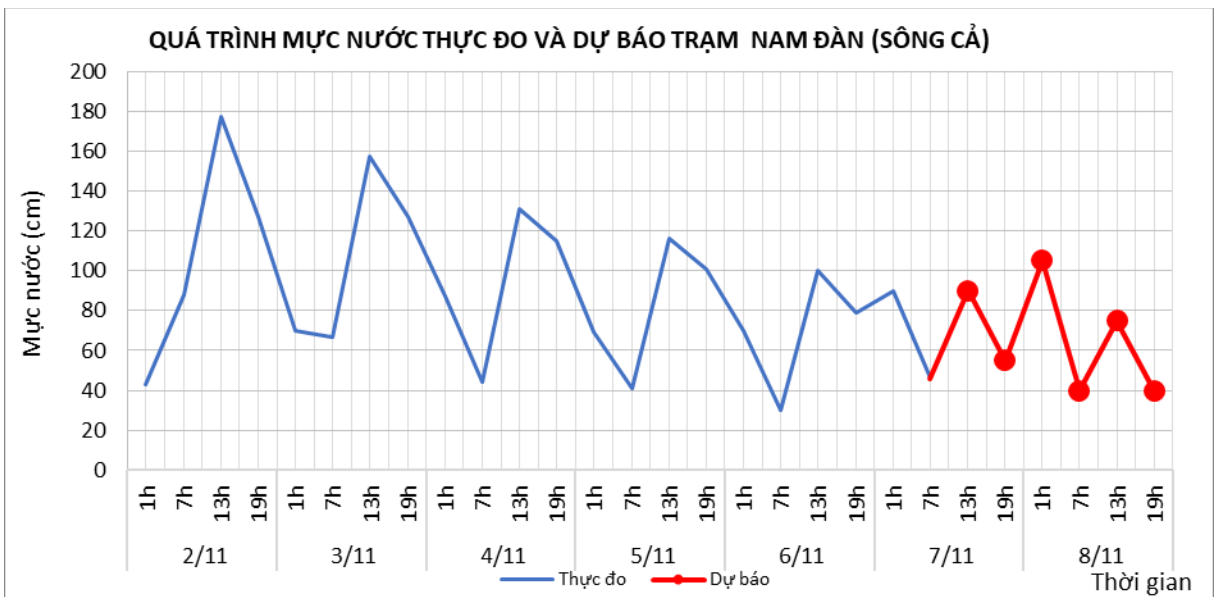
## 5.2. Lưu vực sông Cả

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trung, thượng lưu sông Cả dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trung, thượng lưu sông Cả dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.



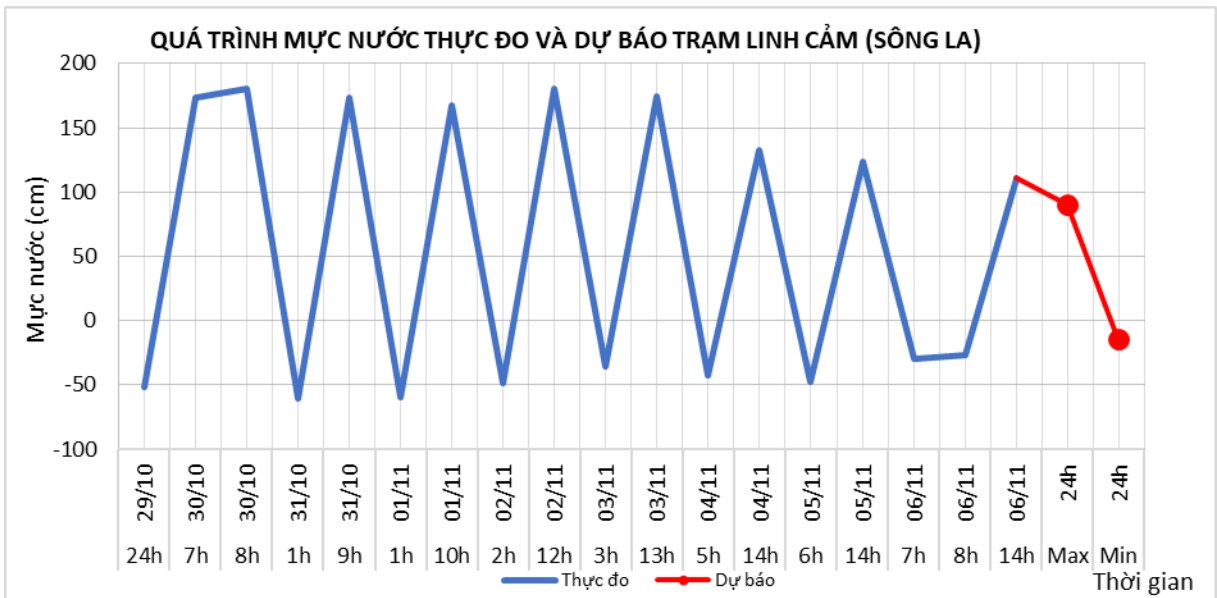
## 5.3. Lưu vực sông La

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.



## 6. Khu vực Trung Trung Bộ

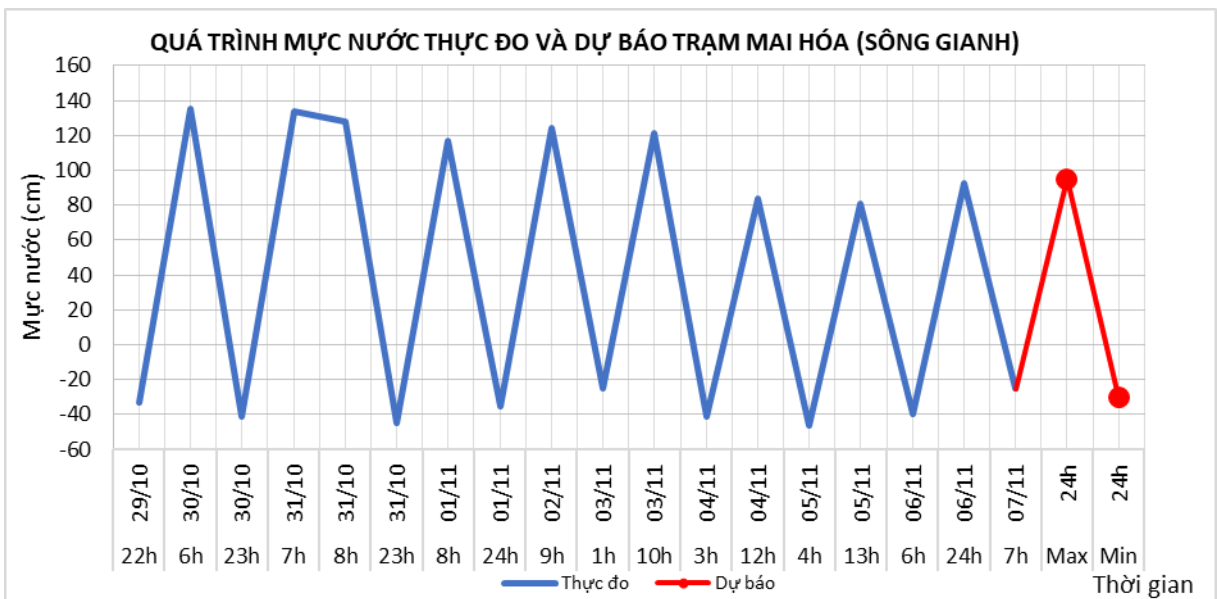
### 6.1. Lưu vực sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.



### 6.2. Lưu vực sông Hương

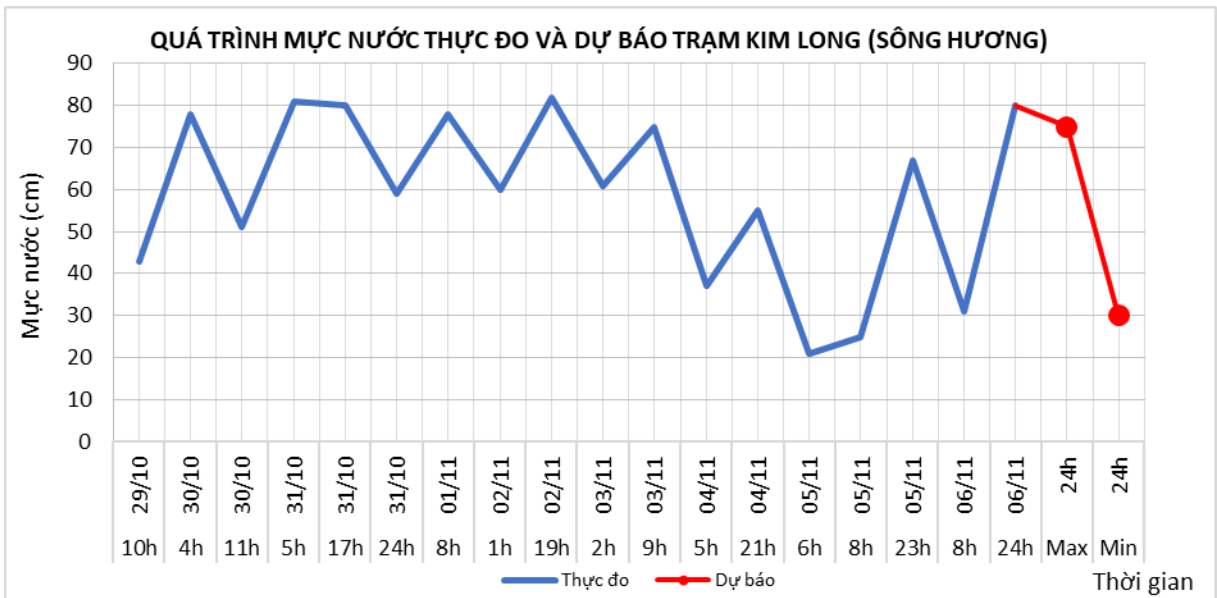
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước dao động theo điều tiết hồ chứa.





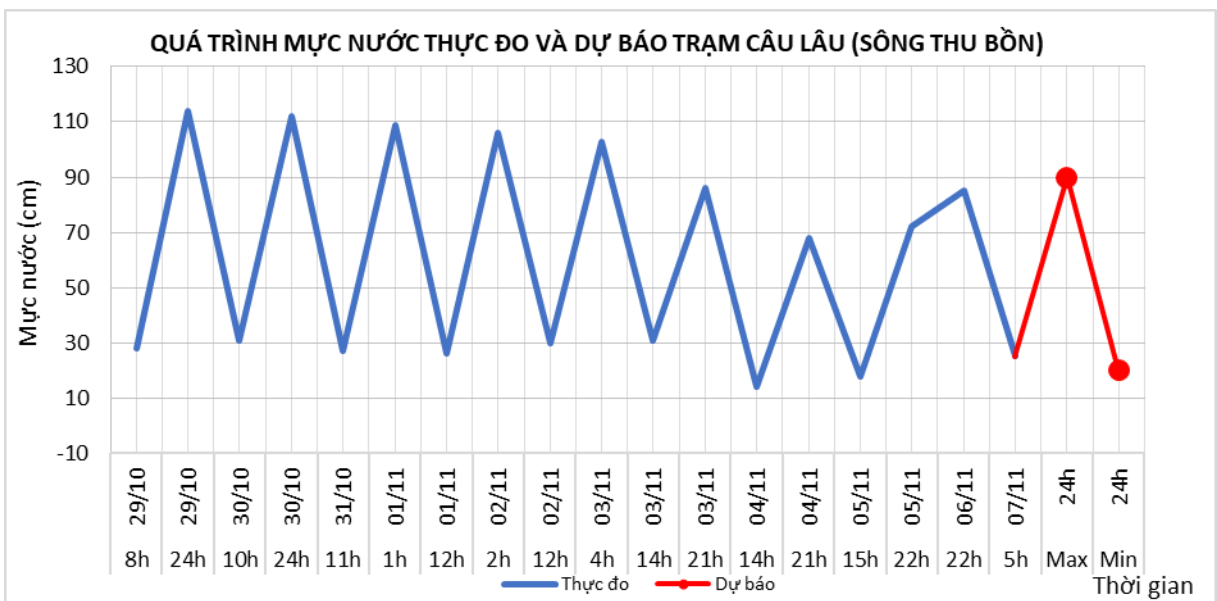
### 6.3. Lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước biến đổi chậm.



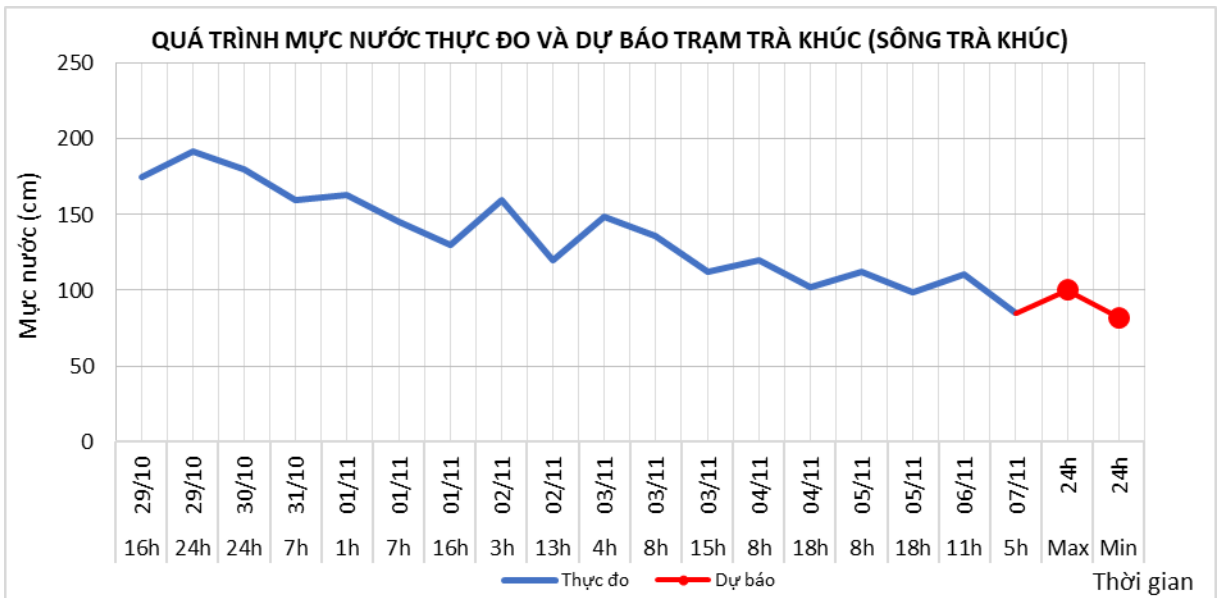
### 6.4. Lưu vực sông Trà Khúc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Trà Khúc biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước biến đổi chậm.



## 7. Khu vực Nam Trung Bộ

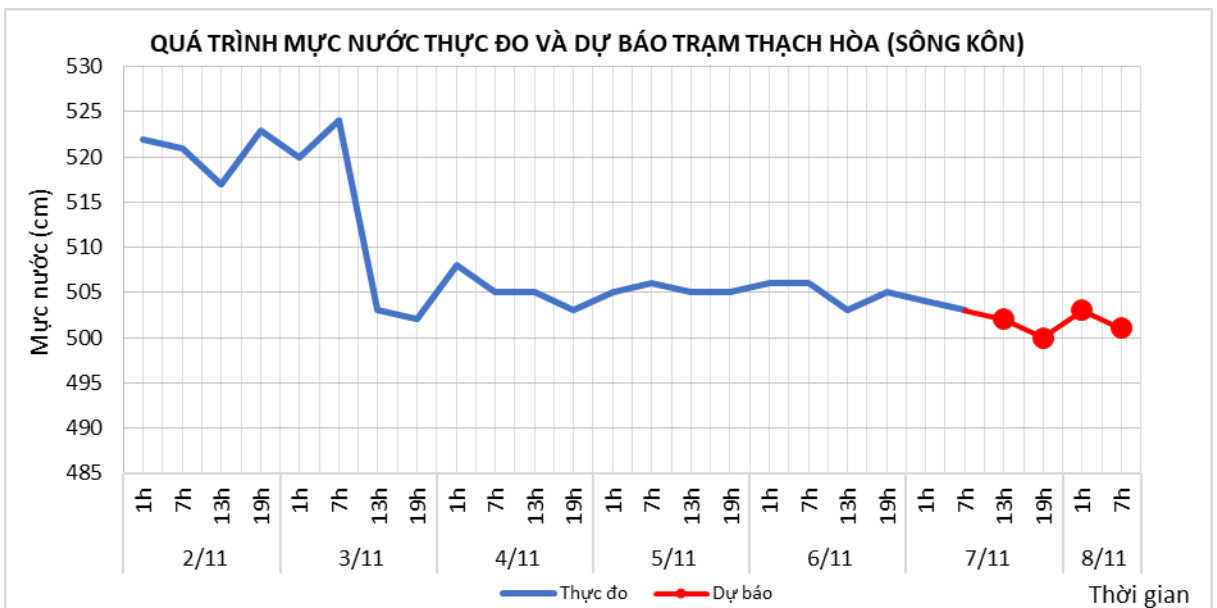
### 7.1. Lưu vực sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước có dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước có dao động.



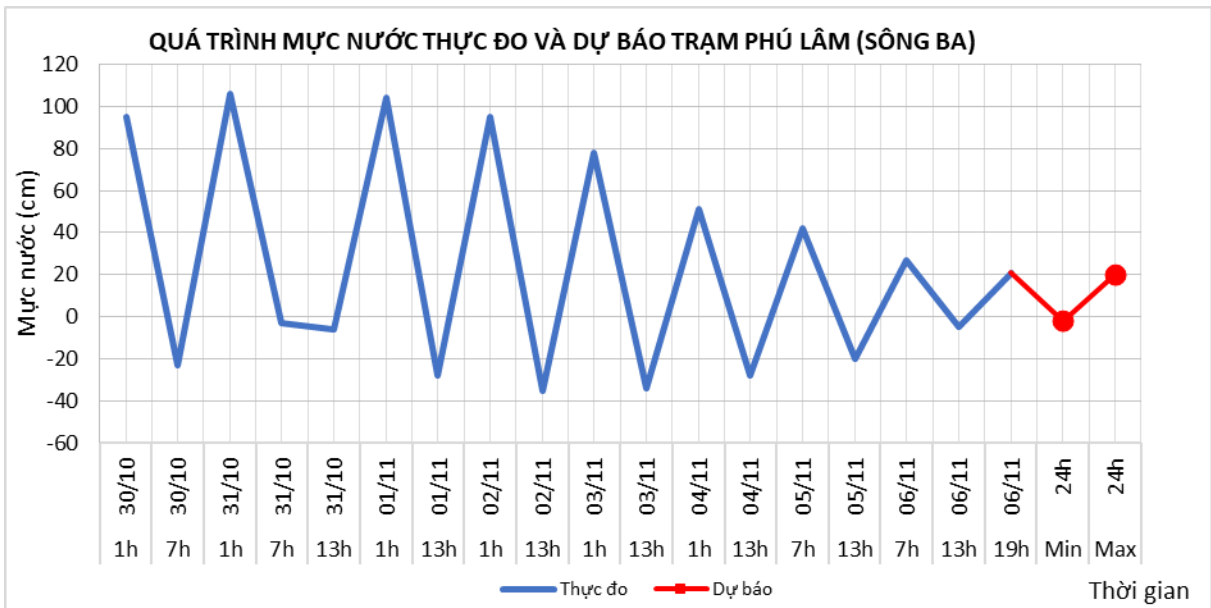
### 7.2. Lưu vực sông Ba

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu tiếp tục biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa.



## 8. Khu vực Tây Nguyên

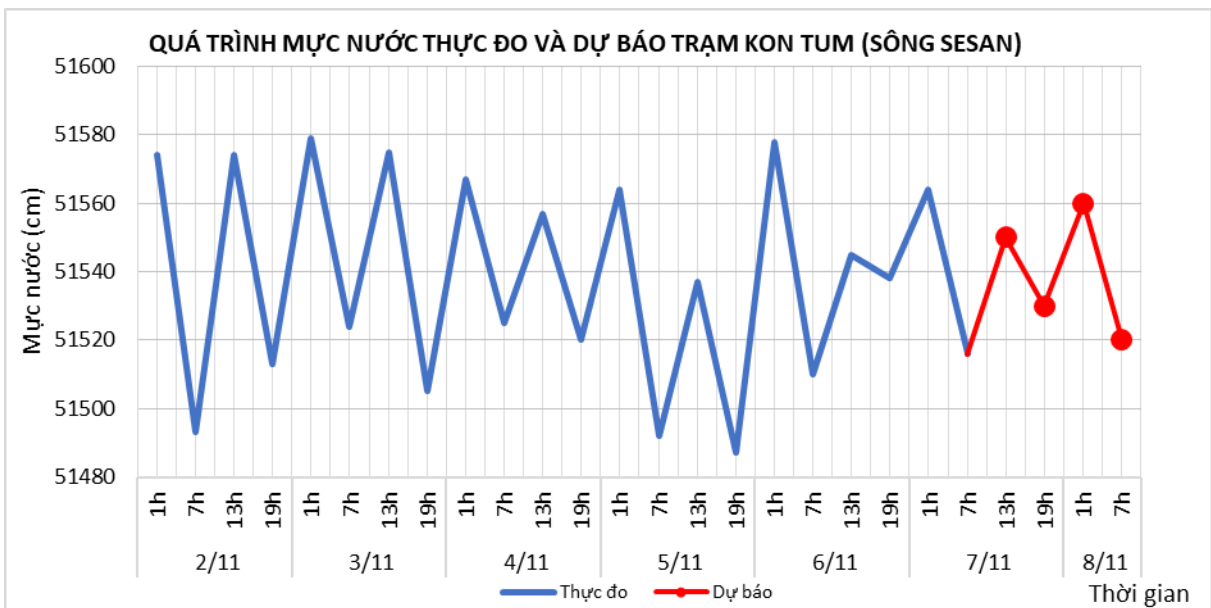
### 8.1. Lưu vực sông Sê San

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông có dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện.



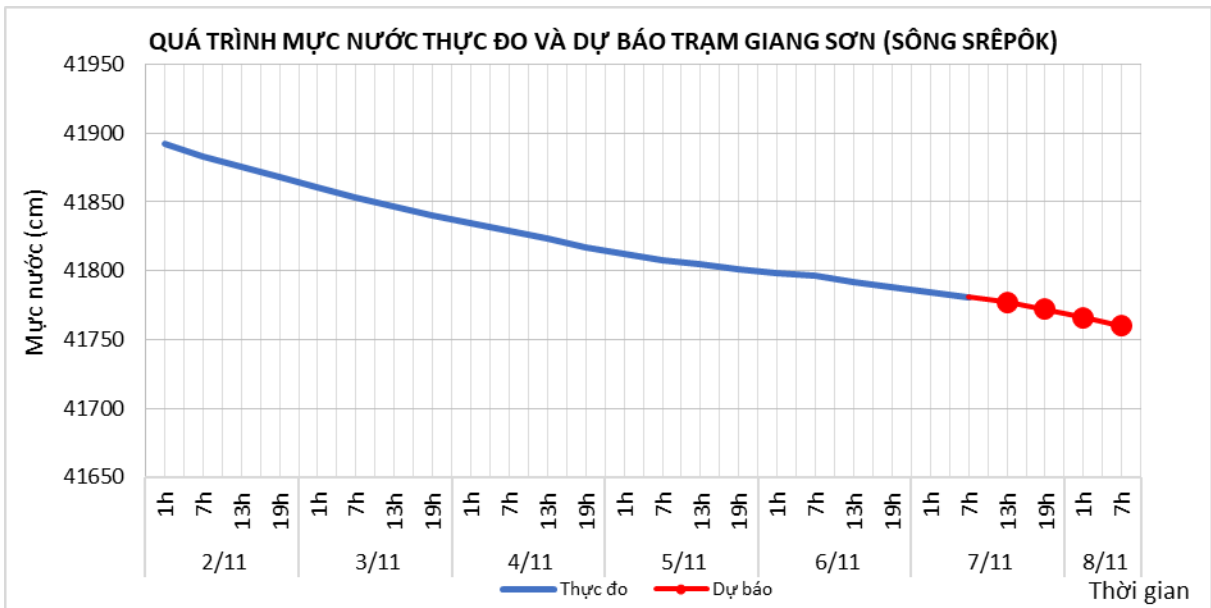
### 8.2. Lưu vực sông Srêpôk

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm; các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm chậm; các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



## 9. Khu vực Nam Bộ

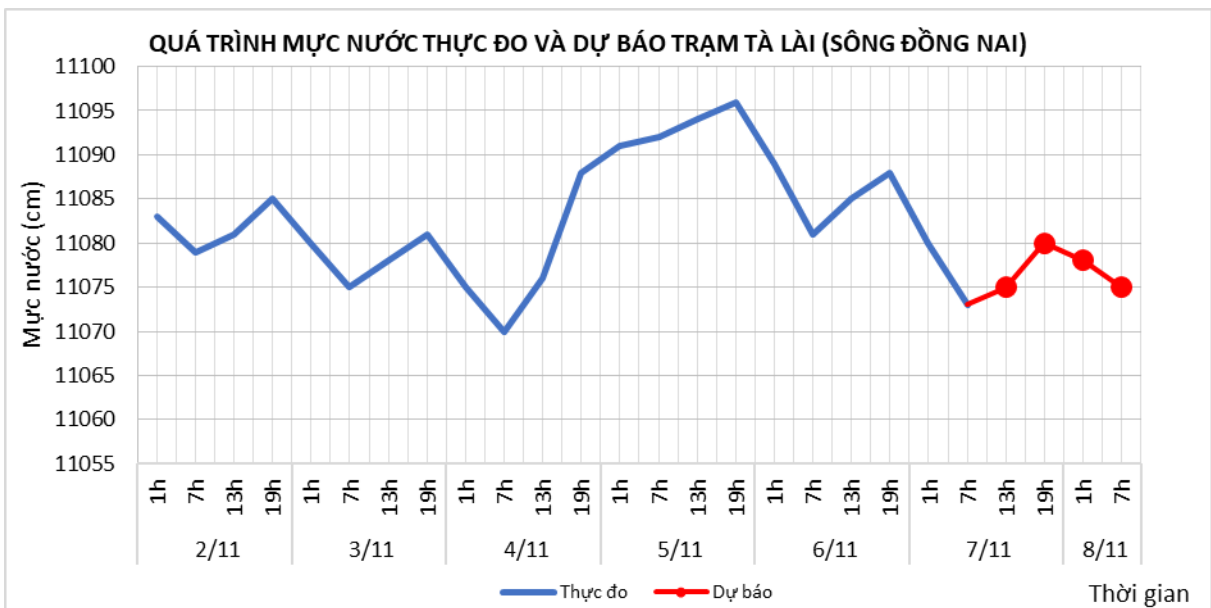
### 9.1. Lưu vực sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước biến đổi chậm.



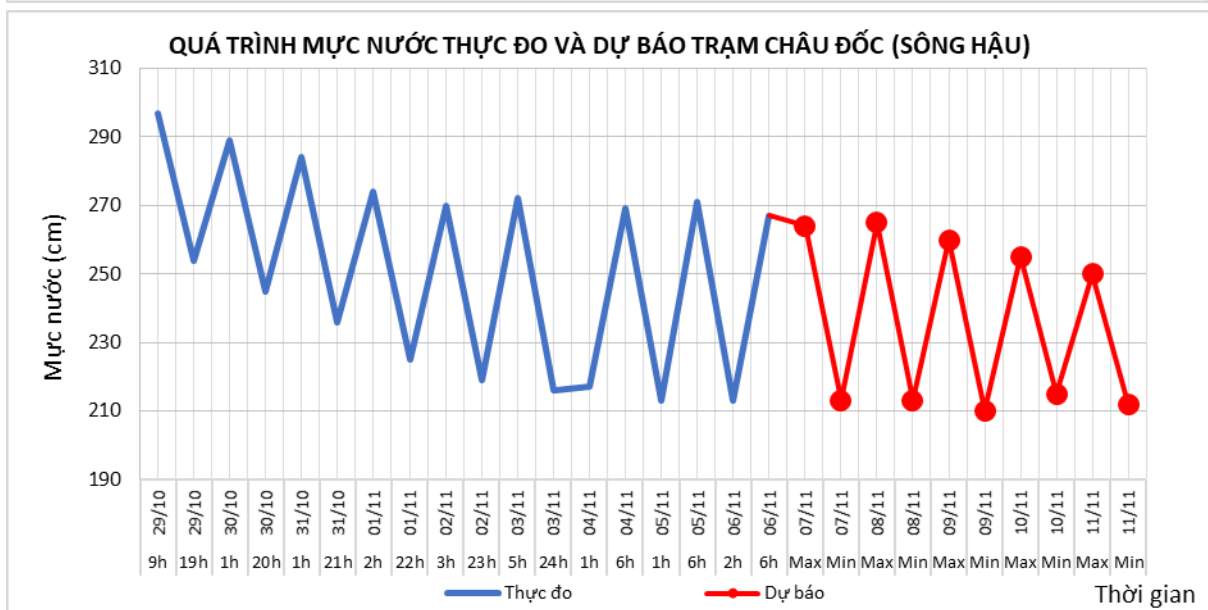
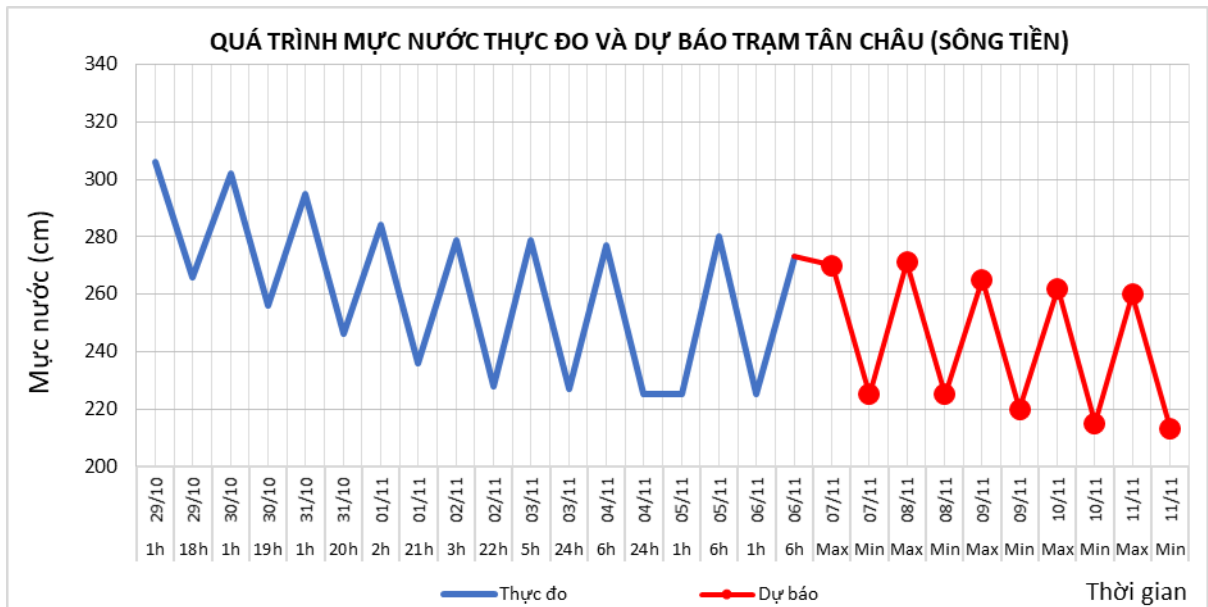
### 9.2. Lưu vực sông Cửu Long

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều. Mức nước cao nhất ngày 06/11 trên sông Tiền tại Tân Châu 2,73m, tại Mỹ Tho 1,72m (trên BĐ3 0,22m), tại Mỹ Thuận 1,94m (trên BĐ3 0,14m); trên sông Hậu tại Châu Đốc 2,67m, tại Long Xuyên 2,45m (dưới BĐ3 0,05m), tại Cần Thơ 2,00m (ở mức BĐ3); trên sông Sài Gòn tại Phú An 1,63m (trên mức BĐ3 0,3m).

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều. Đến ngày 11/11 mức nước cao nhất ngày tại Tân Châu ở mức 2,60m; tại Châu Đốc ở mức 2,50m; các trạm hạ lưu ở mức BĐ2 và trên BĐ2.



*Cảnh báo: Nguy cơ ngập lụt xảy ra tại các vùng trũng thấp, vùng ven sông tại các tỉnh hạ lưu sông Cửu Long, sông Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Vĩnh Long.*

## II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Mực nước thực đo (cm)				Mực nước dự báo (cm)															
		13h-06/11	19h-06/11	1h-07/11	7h-07/11	13h-07/11		19h-07/11		1h-08/11		7h-08/11		13h-08/11		19h-08/11		1h-09/11		7h-09/11	
Đà	Hồ Hòa Bình (*)	802	774	765	725	900	↑	760	↓	780	↑	680	↓								
Thao	Yên Bái	2457	2466	2462	2442	2425	↓	2430	↑	2425	↓	2420	↓								
Thao	Phú Thọ	1202	1200	1193	1185	1180	↓	1170	↓	1165	↓	1160	↓								
Lô	Tuyên Quang	1315	1342	1311	1418	1320	↓	1330	↑	1310	↓	1405	↑								
Lô	Vụ Quang	508	515	521	516	517	↑	520	↑	518	↓	515	↓								
Hồng	Hà Nội	84	128	118	108	80	↓	110	↑	105	↓	110	↑	85	↓	100	↑	110	↑	120	↑
Cả	Nam Đàn	100	79	90	46	90	↑	55	↓	105	↑	40	↓	75	↑	40	↓				
Kôn	Thanh Hòa	503	505	504	503	502	↓	500	↓	503	↑	501	↓								
Đăkbla	Kon Tum	51545	51538	51564	51516	51550	↑	51530	↓	51560	↑	51520	↓								
Krông Ana	Giang Sơn	41792	41788	41785	41781	41777	↓	41772	↓	41766	↓	41760	↓								
Đồng Nai	Tà Lài	11085	11088	11080	11073	11075	↑	11080	↑	11078	↓	11075	↓								

Ghi chú: (\*): Q m<sup>3</sup>/s

Sông	Trạm	Thực đo 24h và 36h qua				Dự báo 24h và 36h tới			
		Mực nước cao nhất		Mực nước thấp nhất		Mực nước cao nhất		Mực nước thấp nhất	
Cầu	Đáp Cầu	91	↓	48	↓	85	↓	50	↑
Thương	Phủ Lạng Thương	78	↓	16	↑	75	↓	20	↑
Lục Nam	Lục Nam	81	↓	13	↑	75	↓	15	↑
Thái Bình	Phả Lại (**)	112	↓	31	↑	90	↓	35	↑
Hoàng Long	Bến Đẽ	76	↓	25	↓	80	↑	30	↑
Mã	Giàng (**)	126	↓	-14	↑	130	↑	-5	↑
La	Linh Cảm	111	↓	-27	↑	90	↓	-15	↑
Gianh	Mai Hóa	93	↑	-25	↑	95	↑	-30	↓
Hương	Kim Long	80	↑	31	↑	75	↓	30	↓
Thu Bồn	Câu Lâu	85	↑	25	↑	90	↑	20	↓
Trà Khúc	Trà Khúc	111	↓	85	↓	100	↓	82	↓
Đà Rằng	Phú Lâm	21	↓	-5	↑	20	↓	-2	↑

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

**Khu vực Nam Bộ:**

Sông	Trạm	Mức nước cao nhất ngày (cm)										Mức nước thấp ngày (cm)													
		Thực đo		Dự báo						Thực đo		Dự báo													
		06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	11/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	11/11												
Sông Tiền	Tân Châu	273	↓	270	↓	271	↑	265	↓	262	↓	260	↓	225	↓	225	⇒	225	⇒	220	↓	215	↓	213	↓
Sông Hậu	Châu Đốc	267	↓	264	↓	265	↑	260	↓	255	↓	250	↓	213	↑	213	⇒	213	⇒	210	↓	215	↑	212	↓

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30' ngày 08/11

Tin phát lúc: 10h30'

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**  
Bùi Đình Lập-Phùng Tiến Dũng